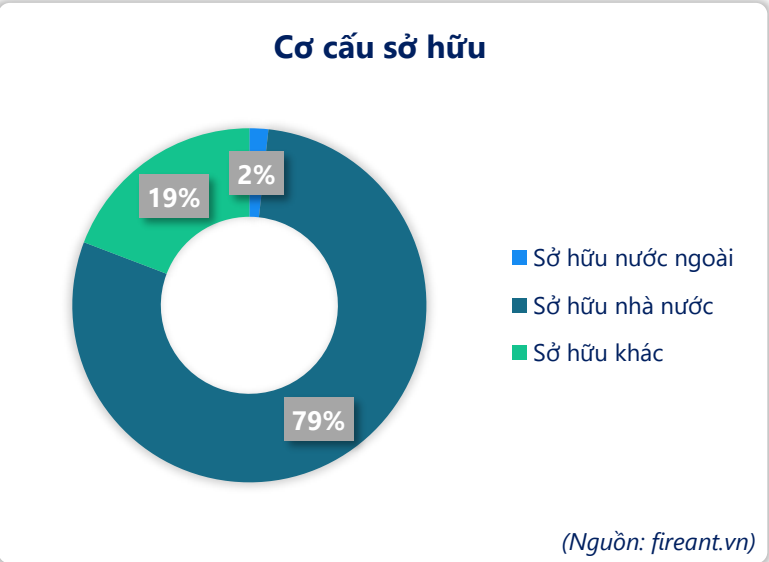
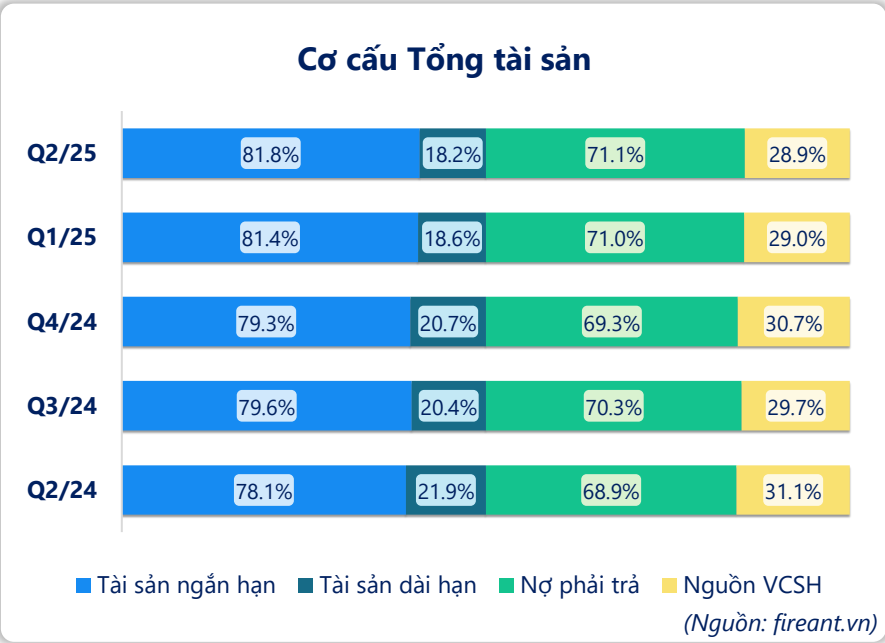
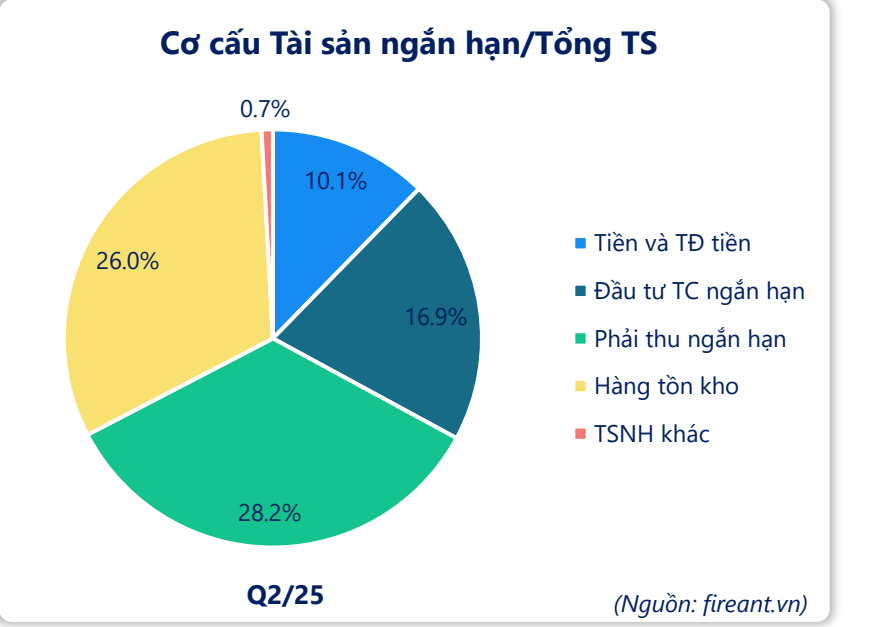
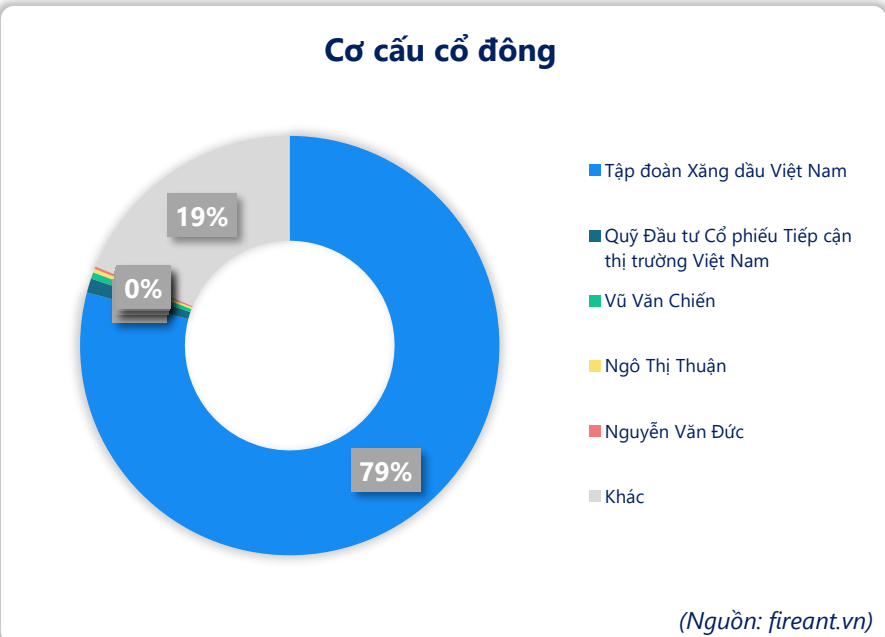
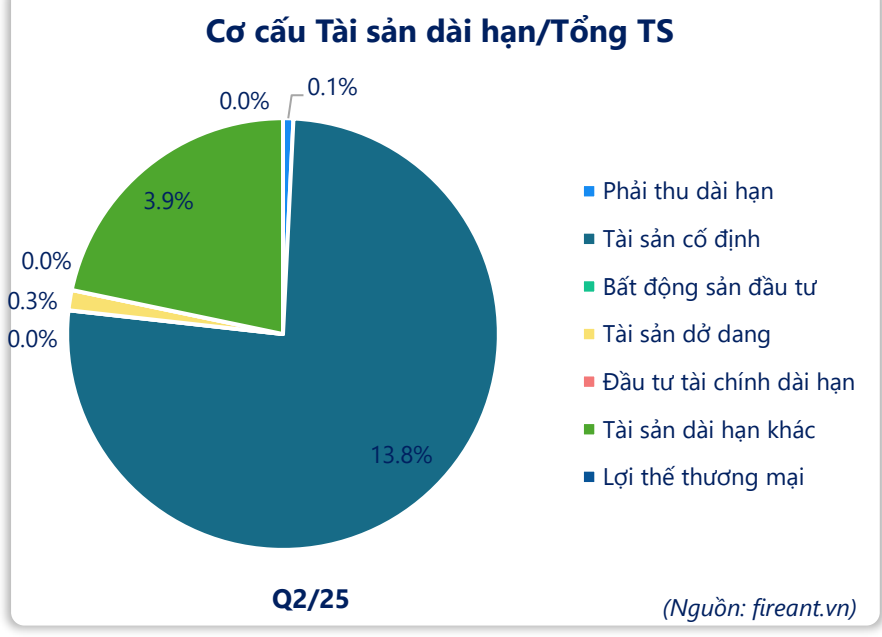
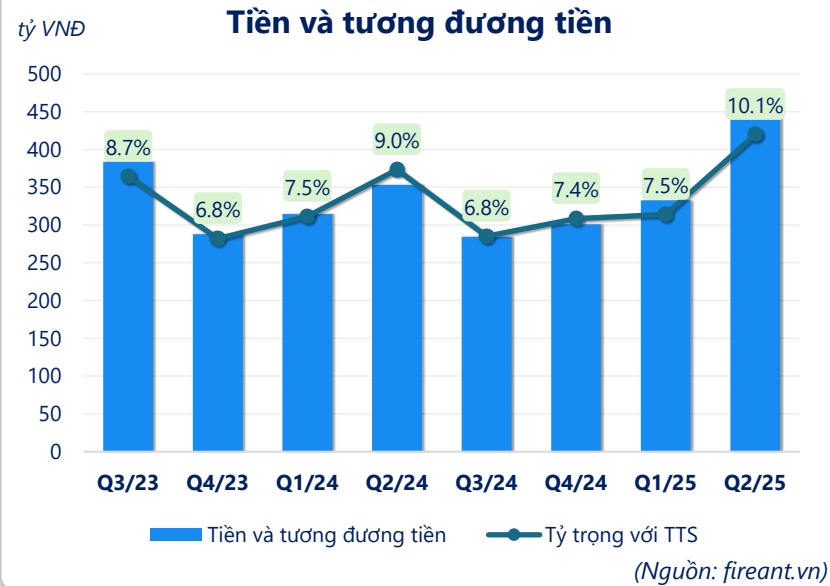
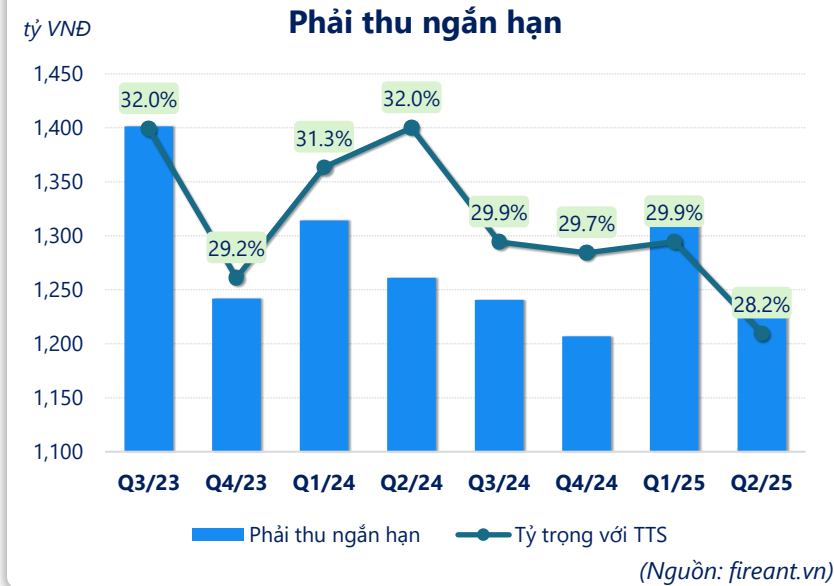
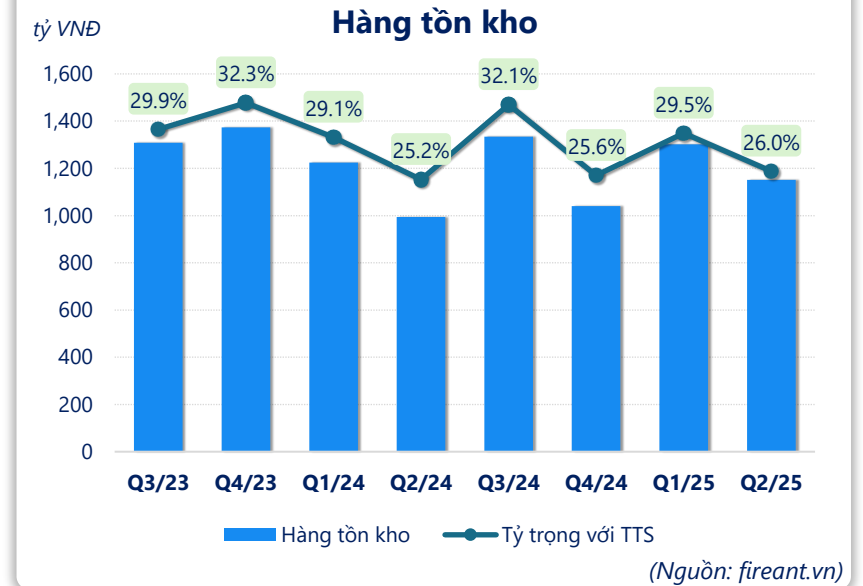
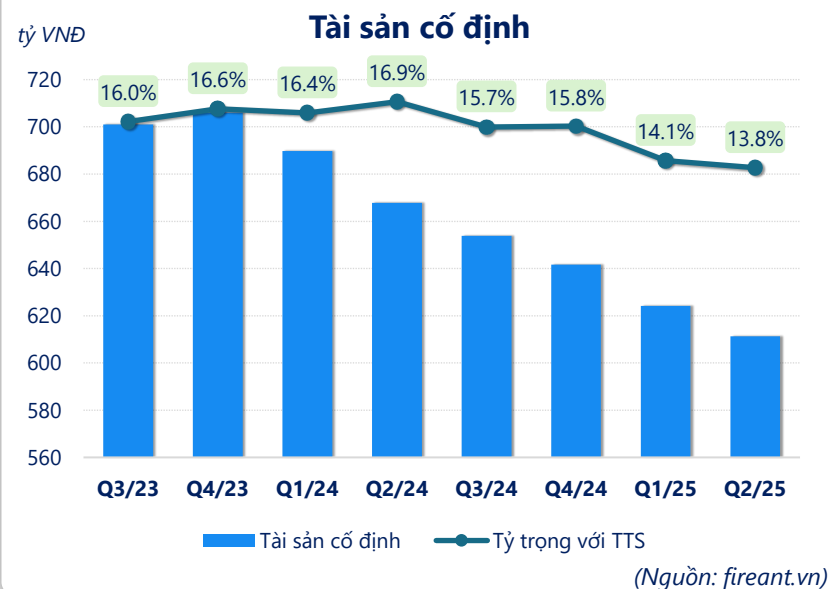
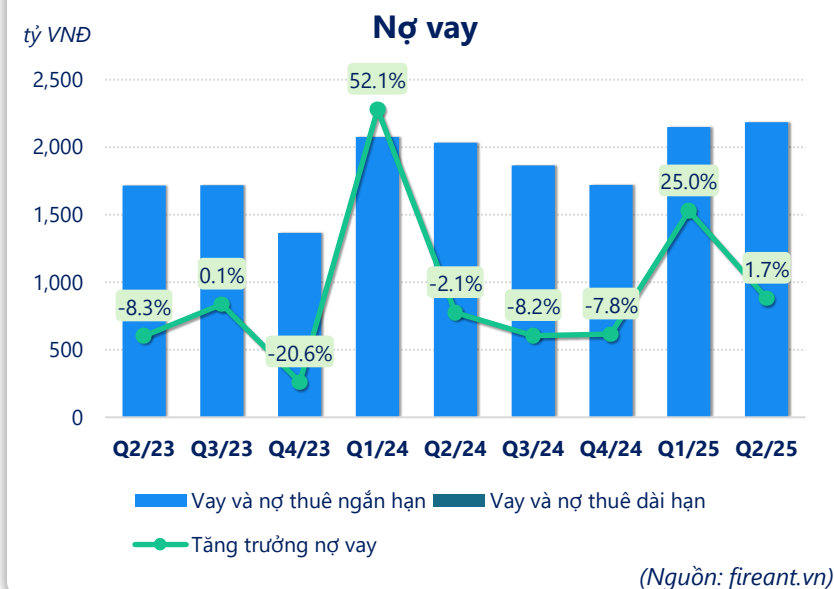
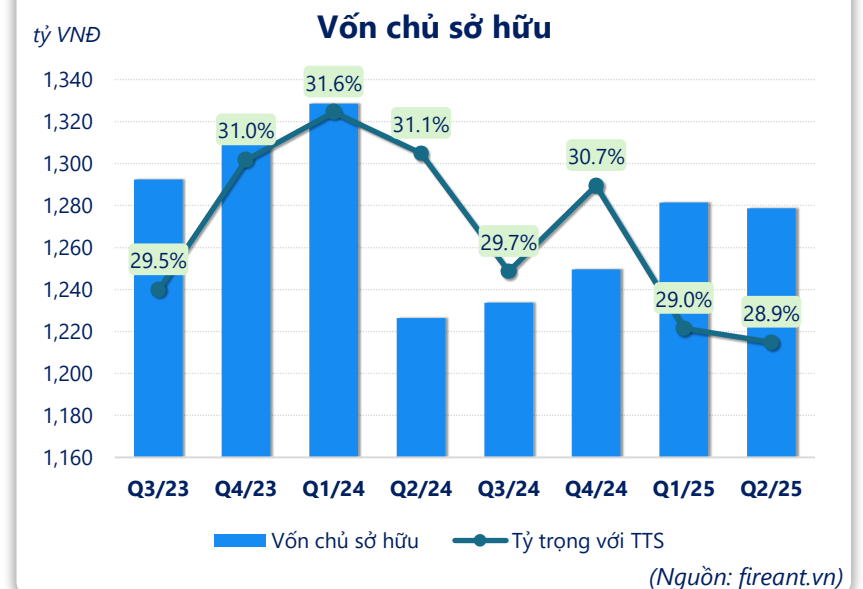
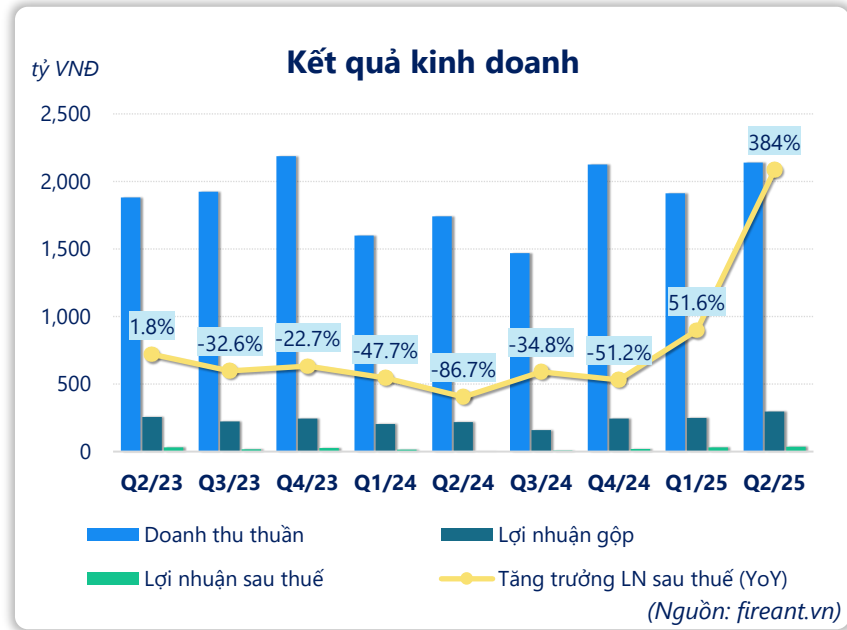
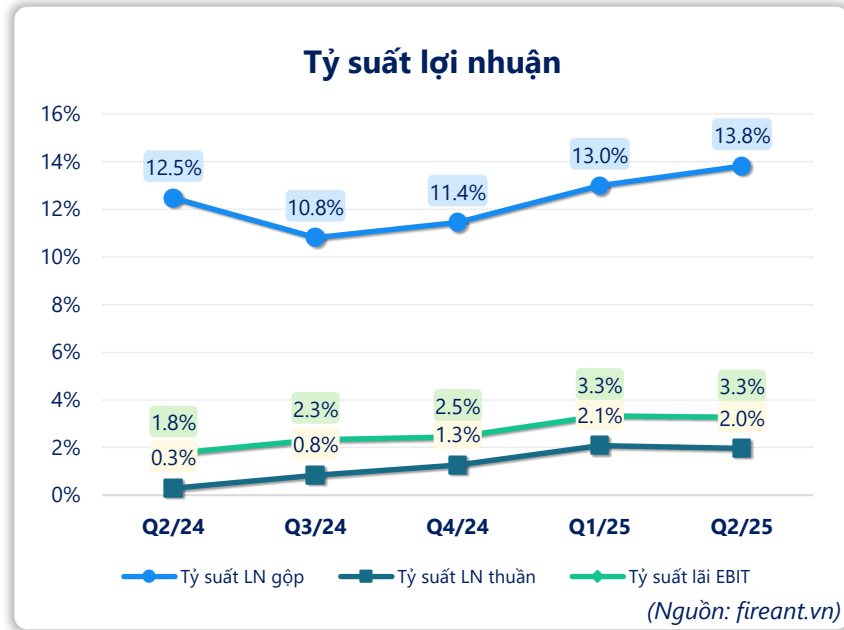
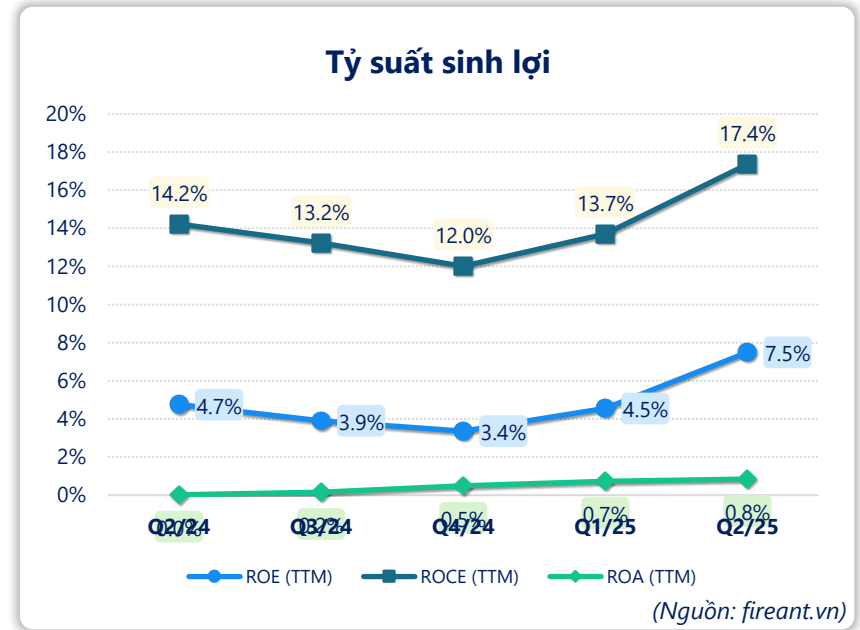
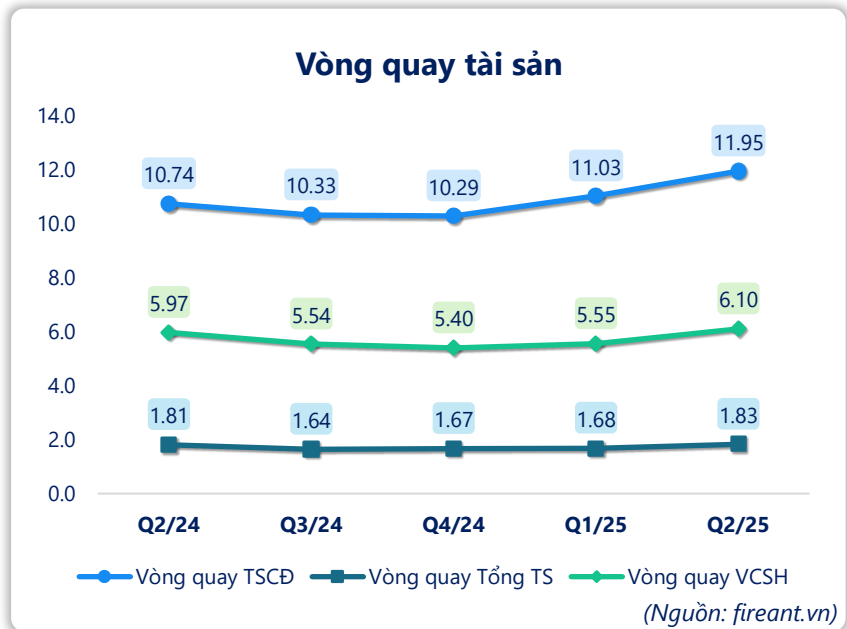
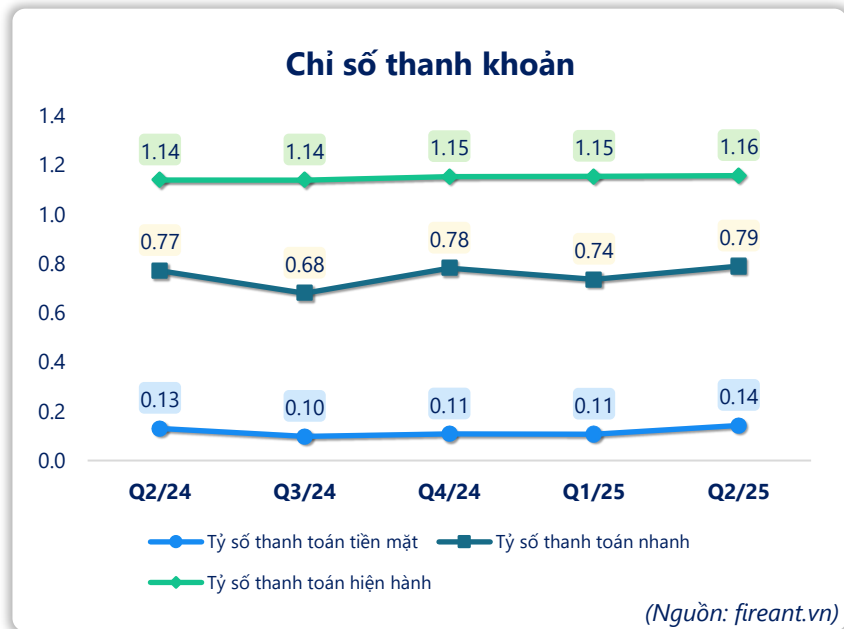
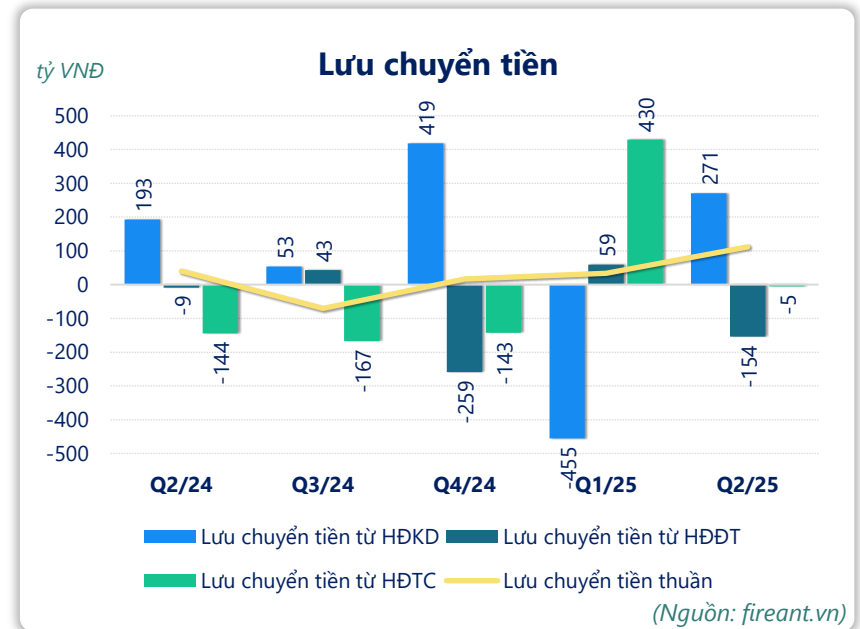


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,768
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,545
SL cổ phiếu LH		80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)		540,755
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,988
P/E		21.2
EPS		1,162

	YTD	1T	3T	6T
PLC	14.5%	-3.1%	7.1%	10.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,429	4,080	8.6%
Tài sản ngắn hạn	3,625	3,239	11.9%
Tiền và tương đương tiền	446	299	49.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	747	646	15.7%
Phải thu ngắn hạn	1,249	1,206	3.6%
Hàng tồn kho	1,151	1,054	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	31.6	33.7	-6.2%
Tài sản dài hạn	805	841	-4.4%
Phải thu dài hạn	6.25	6.27	-0.4%
Tài sản cố định	611	642	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.2	10.7	13.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	175	183	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,150	2,830	11.3%
Nợ ngắn hạn	3,133	2,812	11.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,185	1,719	27.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	754	948	-20.5%
Nợ dài hạn	17.4	17.8	-2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,279	1,250	2.3%
Vốn chủ sở hữu	1,279	1,250	2.3%
Vốn điều lệ	808	808	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,741	1,468	2,124	1,912	2,140
Giá vốn hàng bán	1,524	1,309	1,881	1,663	1,844
Lợi nhuận gộp	217	159	243	248	296
Doanh thu HĐTC	10.9	31.5	2.86	21.8	16.4
Chi phí TC	43.4	21.0	36.0	25.8	40.9
Chi phí lãi vay	23.3	21.7	22.5	23.9	27.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	146	117	176	164	171
Chi phí QLDN	33.8	39.6	7.00	40.3	58.5
LN thuần từ HĐKD	5.12	12.3	26.8	39.8	42.0
Lợi nhuận khác	2.11	0.22	2.83	-0.07	0.61
LN trước thuế	7.23	12.5	29.7	39.7	42.6
Lợi nhuận sau thuế	0.98	6.60	20.3	31.5	35.5
LNST của CĐ cty mẹ	0.98	6.60	20.3	31.5	35.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	193	53.4	419	-455	271
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.67	43.1	-259	58.9	-154
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-144	-167	-143	430	-5.32
Tiền đầu kỳ	314	353	284	299	333
Lưu chuyển tiền thuần	40.3	-70.3	16.8	33.5	112
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.59	1.59	0	0	2.03
Tiền cuối kỳ	353	284	301	333	446

(Nguồn: fireant.vn)